TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2024/DS-ST
Ngày: 08-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Bà Nguyễn Hồ Thanh Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam); Địa chỉ: Số I, đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee J, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000 (có yêu cầu xét xử vắng mặt) (Giấy ủy quyền ngày 01/02/2024 của Công ty L niềm Tin).

Địa chỉ: Số G đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngày 15/4/2022 Công ty T với bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3063467 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà D1 với khoản vay 31.980.000 đồng, lãi suất 42%/năm, và Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định Hợp đồng tín dụng cho bà D1. Theo Hợp đồng tín dụng, bà D1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 3.115.317 đồng, trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 09/05/2022 đến ngày 09/4/2024. Nhưng bà D1 không thanh toán đầy đủ đối với khoản vay, bà D1 đã thanh toán được 05 kỳ với số tiền 15.634.048 đồng, từ ngày 13/9/2022 bà D1 không thanh toán thêm khoản nào.

Công ty T đã liên hệ đề nghị bà D1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, và gửi thư cho bà D1 biết để thực hiện, tuy nhiên bà D1 vẫn không thanh toán.

Tính ngày 24/8/2023 bà D1 trễ hạn không thanh toán số tiền 61.550.035 đồng, trong đó, nợ gốc là 42.327.715 đồng, lãi trong hạn là 12.761.802 đồng, lãi quá hạn là 1.414.981 đồng, lãi chậm trả là 387.316 đồng. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D1 trả số tiền còn nợ.

Tính đến ngày 07/5/2024, bà D1 còn nợ số tiền là 80.250.284 đồng, trong đó: Nợ gốc: 42.327.715 đồng; Lãi trong hạn: 16.100.538 đồng; Lãi quá hạn: 20.122.825 đồng; Lãi chậm trả: 1.699.206 đồng và yêu cầu bà D1 phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 08/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2024 bà Lâm Thị Thùy D đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bà D1 trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2024 là 85.053.417 đồng, trong đó: nợ gốc là 42.327.715 đồng, lãi trong hạn là 16.100.538 đồng, lãi quá hạn là 24.652.470 đồng, lãi chậm trả là 1.972.694 đồng, và yêu cầu bà D1 phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Q Dao cư trú tại Quận G tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng với nguyên đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự:

Bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận G thì *"đương sự Nguyễn Thị Quỳnh D1 có đăng ký tạm trú và ở tại 376/15/6 H, khu phố A, phường B, Quận G từ 22/8/2022 đến nay"*. Bà D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà D1, và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, "…*trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện…. thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung*". Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bà D1 trả khoản tiền còn nợ trong Hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3063467 ngày 15/4/2022 giữa Công ty T với bà D1 thì bà D1 vay số tiền 50.000.000 đồng, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa hai bên theo quy định tại Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo Hợp đồng, hàng tháng bà D1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Công ty T với số tiền 3.115.317 đồng, trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 09/05/2022 đến ngày 09/04/2024, lãi suất 42%/năm. Sau khi được giải ngân, bà D1 đã thanh toán được 05 kỳ với số tiền 15.634.084 đồng, cho đến nay bà D1 không thanh toán thêm khoản nào. Do bà D1 vi phạm thời hạn trả nợ nên Công ty T khởi kiện để thu hồi nợ.

Ngày 29/3/2023 Công ty T ra Văn bản số 10808/2023/MAFC-TB về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn đối với bà D1 và cho thời hạn hai ngày kể từ ngày nhận được văn bản mà bà D1 vẫn không thanh toán thì Công ty T sẽ chấm dứt cho vay và bà D1 phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn theo Hợp đồng đã ký, nhưng đến nay bà D1 vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn.

Tính đến ngày 24/8/2023 bà D1 trễ hạn không thanh toán số tiền 61.550.035 đồng, trong đó, nợ gốc là 42.327.715 đồng, lãi trong hạn là 12.761.802 đồng, lãi quá hạn là 1.414.981 đồng, lãi chậm trả là 387.316 đồng. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D1 trả số tiền còn nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2024 bà D1 còn nợ nguyên đơn số tiền là 85.053.417 đồng, trong đó, nợ gốc là 42.327.715 đồng, lãi trong hạn là 16.100.538 đồng, lãi quá hạn là 24.652.470 đồng, lãi chậm trả là 1.972.694 đồng.

Theo quy định tại Điều 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *"bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Ngày 13/9/2022 bà D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T chuyển số tiền nợ sang nợ quá hạn. Tại mục 8.3 của Hợp đồng hai bên ký kết quy định về *Trả nợ trễ hạn: Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả được tính như sau:*

- Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn sẽ được tính theo công thức sau: 150% x (lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) x (dư nợ gốc quá hạn) x (số ngày trễ hạn/365). Trong đó, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% x (lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn), hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm.

- Tiền lãi chậm trả sẽ được tính theo công thức sau: 10% x (số dư lãi chậm trả) x (số ngày trễ hạn/365). Trong đó, lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín tụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Và theo quy định tại khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N *về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng* cũng quy định cụ thể về trường hợp *khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận*. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, bà D1 đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn, là mặc nhiên đồng ý thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nguyên đơn các khoản phải trả trong kỳ và lãi suất phát sinh nếu có.

Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đối với các nội dung mà đương sự không yêu cầu, căn cứ quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà D1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Bà D1 phải chịu án phí là 4.252.671 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam), buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền vay còn nợ là 85.053.417 đồng, trong đó, nợ gốc là 42.327.715 đồng, lãi trong hạn là 16.100.538 đồng, lãi quá hạn là 24.652.470 đồng, lãi chậm trả là 1.972.694 đồng, và bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đôi bên đương sự thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 4.252.671 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm bảy mươi mốt đồng), bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D1 phải chịu.

[3] Trả lại cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.538.751 đồng (một triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi mốt đồng) theo biên lai số 0037322 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ (Tk Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân